TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày: 09 – 5 -2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Đặng Thị Lệ.

Ông: Nguyễn Văn Cơ Ba.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Trúc – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Lưỡng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H - sinh năm: 1969 tại xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Võ Thị B (chết); vợ tên Huỳnh Thị Kim T (chết) và 01 người con tên Nguyễn Huỳnh Như N.

Tiền sự: Không

Tiền án: có 06 tiền án.

+ Năm 1989 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù về tội Giết người.

+ Năm 1990 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 10 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và Trốn khỏi nơi giam giữ.

+ Năm 1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Năm 2001 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xử phạt 07 năm 11 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Trốn khỏi nơi giam giữ.

+ Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Năm 2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/01/2019 cho đến nay.

2. Nguyễn Thanh T - sinh năm: 1967 tại xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị K; vợ tên Võ Thị Đ và 03 người con tên Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Thị Yến T, Nguyễn Nhật D; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/01/2019 cho đến nay.

- *Bị hại:*

1/ Anh Phan Hoàng T – sinh năm: 1988 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Phan Huệ D – sinh năm: 1969 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Chị Nguyễn Ngọc K – sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và Nguyễn Thanh T là bạn đi chơi cùng nhau. Cả hai thường sang Campuchia đánh bài thắng thua bằng tiền. Khi thua hết tiền, H rủ T về Việt Nam trộm xe mô tô sang Campuchia bán lấy tiền đánh bạc. Khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 01/2019 H và T đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện V, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 20 giờ ngày 01/11/2018, H và T đi dọc theo các tuyến đường lộ nhựa thuộc xã H mục đích tìm sơ hở của người dân để lấy trộm tài sản. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 02/11/2018, H phát hiện nhà anh Phan Hoàng T có cửa sau bằng gỗ dễ đột nhập vào trong nhà nên H kêu T ngồi ngoài cảnh giới. H đi đến cửa nhà sau dùng tay đẩy cửa vào và biết cửa có gài chốt trên, H ra kêu T vào ngồi xuống cho H trèo lên vai. T đứng nâng H lên chèn tay vào trong mở chốt gài cửa ở phía trên ra. Mở cửa xong, H đi vào bên trong nhà lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu mobitar màu đen đang để trên kệ; 01 chiếc xe mô tô biển số 64D1-235.02 có chìa khóa cắm trên xe. H đưa điện thoại cho T cất giữ. Sau đó, T điều khiển xe 64D1-235.02 chở H sang Campuchia bán xe cho người phụ nữ không rõ họ tên được 10.000.000đồng và chia nhau tiêu xài.

Tại kết luận định giá số 77/TTHS ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Vũng Liêm điện thoại di động hiệu mobitar màu đen có giá trị thành tiền 50.000đồng; xe mô tô biển số 64D1-235.02 có giá trị thành tiền 12.250.000đồng, tổng giá trị thành tiền là 12.300.000đồng.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 16 giờ ngày 06/01/2018, H và T từ Campuchia về đến địa bàn xã H, huyện V. T điều khiển xe mô tô biển số 64F1-371.36 chở H lưu thông trên quốc lộ liên ấp địa bàn xã H với mục đích tìm nhà hộ dân có sơ hở để ban đêm vào trộm tài sản. Trên đường đi, H phát hiện nhà anh Nguyễn Văn T có cửa ra vào bằng gỗ dễ đột nhập nên H bàn bạc với T đến tối quay trở lại trộm tài sản, T đồng ý.

Đến khoảng 00 giờ ngày 07/01/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 64F1-371.36 chở H đến gần nhà của anh T, cách khoảng 20 mét thì dừng xe lại quan sát một lúc, H đi xuống xe vào nhà anh T. T ngồi ngoài xe đợi, H đi đến cửa sau nhà anh T dùng tay đẩy cửa vào bên trong làm cửa mở ra và đi vào nhà. H dẫn xe mô tô biển số 64D1-442.21 có cắm sẵn chìa khóa trên xe ra ngoài, đưa xe 64D1-442.21 cho T điều khiển cùng với H điều khiển xe 64F1-371.36 đi về hướng cầu Đình Đôi, khi đến đường liên ấp thì H và T bị công an H đang đi tuần tra phát hiện và kiểm tra hành chính. Do T không xuất trình được giấy tờ xe mô tô biển số 64D1-442.21 nên bị tổ tuần tra lập biên bản và giữ xe lại. Sau đó, T điện thoại cho Hậu quay lại chở T về nhà H ngủ.

Tại kết luận định giá số 09/TTHS ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Vũng Liêm xe mô tô biển số 64D1-442.21 có giá trị thành tiền 15.840.000 đồng;

Ngày 19/01/2019, Công an xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp tạm giữ Nguyễn Thanh T cùng tang vật là 01 điện thoại mobitar; 01 xe mô tô biển số 64F1-371.36 do T có hành vi đột nhập vào nhà người dân ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành bàn giao T cùng tang vật cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũng Liêm điều tra xử lý theo quy định. Qua điều tra T và H khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của anh T và anh T.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSHVL ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm truy tố về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H và theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

1. Đối với bị cáo H:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

2. Đối với bị cáo T:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, nhận tiền bồi thường thiệt hại và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước một điện thoại Mobitar màu đen do anh T không có yêu cầu nhận lại và một xe mô tô biển số 64F1-371.36 của bị cáo H.

Về án phí hình sự: Đề nghị buộc các bị cáo nộp án phí 200.000 đồng.

Ý kiến của các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thanh T: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn H: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thanh T: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thành T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo trình bày vào ngày 02/11/2018, các bị cáo đã có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại hiệu Mobitar màu đen và 01 xe mô tô 64D1-23502, tổng giá trị thành tiền là 12.250.000 đồng của anh Phan Hoàng T. Ngày 07/01/2019, có hành vi trộm 01 xe mô tô 64D1-442.21 có giá trị thành tiền là 15.840.000đồng của anh Nguyễn Văn T.

[2] Lời trình bày và khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội: "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm một cách trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên xét xử một mức án nghiêm với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử nhận định vai trò của từng bị cáo như sau:

- Đối với bị cáo H: Là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Bị cáo có tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nay tiếp tục phạm tội nên xét xử mức án nghiêm đối với bị cáo.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo có công cách mạng.

- Đối với bị cáo T: Rủ rê bị cáo H cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại, bị cáo đã cảnh giới, canh gác cho H lấy trộm tài sản của bị hại. Vì vậy, cần xét xử mức án tương xứng với hành vi của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước một điện thoại Mobitar màu đen do anh Phan Hoàng T là chủ sở hữu nhưng không yêu cầu nhận lại và một xe mô tô biển số 64F1-371.36 của bị cáo H vì đây là phương tiện thực hiện việc phạm tội.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Phan Hoàng T đã nhận tiền do bị cáo T bồi thường là 10.000.000đồng vì xe mô tô 64D1-23502 đã bán không thu hồi được. Anh T không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại anh Nguyễn Văn T đã nhận tài sản là xe mô tô 64D1-442.21 và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo T không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 10.000.000đồng đã bồi thường cho anh Ti nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 02 (hai) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giam 19/01/2019.

1. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T: 09 (chín) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giam 19/01/2019.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại hiệu mobitar, màu đen và 01 (một) xe mô tô biển số 64F1-371.36. (Hiện chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm đang quản lý).

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Phan Hoàng T đã nhận tiền do bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại anh Nguyễn Văn T đã nhận tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Nguyễn Thanh T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H trả lại số tiền đã bồi thường cho anh Phan Hoàng T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

Đối với bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Cao Văn Lạc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;

- Lưu hồ sơ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, n
ếu
các
bị cáo chưa thanh toán số
tiền nêu trên, thì hàng tháng chịu thêm lãi suất
theo
Điều
357
, khoản 2 Điều 468
của Bộ luật Dân sự năm 2015.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA